

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2023/HS - ST

Ngày 03 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Hồng Nhật
2. Bà Lê Thị Sinh Chi

- Thư ký phiên Tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Bà Bùi Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2023/TLST - HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 6 năm 2023; thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên Tòa số 27/TB- TA ngày 16 tháng 6 năm 2023; thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên Tòa số 36/TB- TA ngày 17 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo: **Vũ Thị V**, sinh ngày 08/7/1973. Nơi cư trú: Thôn Kim, xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình P và bà Phạm Thị B; chồng: Nguyễn Ngọc T; có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tạm giam ngày 02/02/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (Bị cáo có mặt tại phiên Tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị V: Ông Phạm Hữu Lâm và ông Phạm Hữu Giang – Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Hữu Lâm và công sự - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ : Số nhà 371, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

*** Bị hại:**

1. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Phúc Tiên, xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Vân Động Nam, xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Đỗ Văn H1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Thống Nhất, xã Quang Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Việt P, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn Kim, xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Phúc Trung, xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

2. Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Thống Nhất, xã Quang Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Đào Văn Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn ĐT, xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

4. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn K, xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

5. Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn NH, xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

6. Chị Hoàng Thị O, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn VDĐ, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

7. Anh Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Chiêm Thuận, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

8. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Chiêm Thuận, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

9. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Phúc Tiên, xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

10. Chị Phạm Thị D, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số nhà 13, đường Nguyễn Đình Chính, tổ 06, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt: ông H, bà K, chị L, chị D, ông L; vắng mặt: Anh H, anh B, chị Thu P, anh Đ, chị Việt P, anh H, chị H, chị O, anh Ú, chị H, anh G).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 03 năm 2014 đến tháng 7 năm 2016, mặc dù không có khả năng xin việc nhưng Vũ Thị V - giáo viên trường Tiểu học xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đã nói dối mình có khả năng xin được biên chế vào ngành giáo dục để chiếm đoạt tài sản của các cá nhân, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 3/2014, anh Đỗ Văn H có nhu cầu xin cho vợ mình là Nguyễn Thị Thu P vào biên chế ngành giáo dục. Anh H được bạn là anh Nguyễn Quang H giới thiệu việc anh Huy quen biết với Vũ Thị V và V nói có khả năng xin được biên chế ngành giáo dục. Sau đó, anh H và anh H đến nhà V ở xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình đặt vấn đề xin biên chế cho chị P. Qua trao đổi, V nhận xin việc cho chị P vào biên chế vào ngành giáo dục huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình và yêu cầu anh H phải đưa cho Việt 115.000.000 đồng, anh H đồng ý. Đến ngày 28/6/2014, tại nhà của V, anh H đã đưa cho V 115.000.000 đồng cùng hồ sơ xin việc của chị P. Việc giao nhận tiền và hồ sơ xin việc giữa anh H và V có sự chứng kiến của anh H. Khi nhận tiền, V hứa hẹn xin được biên chế cho chị P trong thời hạn 03 (ba) tháng. V có viết cho anh H 01 giấy biên nhận với nội dung “*Hôm nay ngày 28/6/2014, tôi là Vũ Thị V, STQ: Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, có vay của em H số tiền là 115.000.000 đồng. Hẹn em nhanh nhất là 15/9/2014, chậm nhất là 30/12/2014 sẽ hoàn trả đủ em số tiền trên. Nếu sai hẹn tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Đến thời hạn thỏa thuận, do V không xin được biên chế cho chị P nên anh H yêu cầu V trả lại số tiền đã đưa. Sau đó, Việt đã trả lại cho anh H khoảng 45.000.000 đồng. Số tiền còn lại, anh H nhờ Đào Văn Đ, sinh năm 1973, trú tại thôn Đông Tiến, xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình để đòi hộ nhưng anh Đ không đòi được mà giao giấy tờ của anh H cho một người bạn xã hội tên là Bách để nhờ Bách đi đòi tiền hộ anh H. Đến nay, anh Đ không liên hệ được với B và cũng không biết B làm gì, ở đâu và đã đòi cho V được số tiền còn lại hay chưa; anh H cũng chưa nhận được khoản tiền nào từ anh Đ hay người tên B. Anh H không yêu cầu V phải trả nốt 70.000.000 đồng còn lại và bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác.

Quá trình điều tra, Vũ Thị V khai: năm 2014, có nhận của anh H 115.000.000 đồng để xin việc cho chị P. Sau khi nhận tiền, V đã đưa cho bà Phạm Thị H để nhờ H xin biên chế cho chị P; H có viết cho V giấy biên nhận.

Khi anh H đòi tiền thì V đã trả lại cho anh H khoảng 45.000.000 đồng và trả cho một người tên là B đến lấy tiền hộ anh H 70.000.000 đồng. Sau khi đưa tiền cho B thì Việt lấy lại giấy biên nhận đề ngày 28/6/2014 với anh H và hủy giấy biên nhận tiền với bà H đi. Tuy nhiên bà Phạm Thị H khẳng định không có khả năng xin việc, không nhận số tiền 115.000.000 đồng trên từ Việt, không xin việc cho ai tên là Nguyễn Thị Thu P; ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác xác định Việt đã đưa cho H số tiền trên.

Lần thứ hai: Năm 2014, qua các mối quan hệ, bà Nguyễn Thị K, biết thông tin Vũ Thị V có khả năng xin được biên chế ngành giáo dục nên đã đến nhà đặt vấn đề nhờ V xin việc cho chị Nguyễn Thị Thanh H là con gái bà K. Sau khi trao đổi, V nhận xin cho chị H vào biên chế ngành giáo dục và yêu cầu bà K đưa cho V 100.000.000 đồng. Sau đó, bà K đã giao tiền cho V 02 (hai) lần, tổng số 100.000.000 đồng. Lần thứ nhất: ngày 22/9/2014, bà K đưa 50.000.000 đồng cho V tại nhà của V, V viết giấy biên nhận với nội dung “*Tên tôi là Vũ Thị V. Hôm nay ngày 22/9/2014 có nhận của chị K số tiền là 50.000.000 đồng để lo việc cho cháu H. Hẹn chị nhanh nhất là T10/2014, chậm nhất là 12/2014 sẽ hoàn thành xong công việc*”. Lần thứ hai: ngày 03/02/2015, bà K đưa 50.000.000 đồng cho V tại trường Tiểu học xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, V viết giấy biên nhận với nội dung “*Hôm nay ngày 03/02/2015. Em Vũ Thị V nhận của chị Khuyên 50.000.000 đồng để lo việc cho cháu H. Hẹn cháu trong quý 1 sẽ hoàn thành*”. Đến thời hạn cam kết, do V không xin được biên chế cho chị H nên bà K yêu cầu V trả lại tiền thì V khất lần không trả. Đến nay, V đã trả lại cho bà K 10.000.000 đồng. Bà K yêu cầu V phải tiếp tục trả nốt 90.000.0000 đồng còn lại.

Quá trình điều tra, Vũ Thị V khai: năm 2014, 2015, V có nhận của bà K số tiền là 100.000.000 đồng để xin cho chị Hiền vào biên chế ngành giáo dục. Sau khi nhận tiền, V đã đưa cho Phạm Thị H để nhờ H xin biên chế cho chị H. Tuy nhiên bà Phạm Thị H khẳng định không có khả năng xin việc, không nhận số tiền 100.000.000 đồng trên từ V, không nhận xin việc cho ai tên là Nguyễn Thị Thanh H; ngoài ra không có tài liệu, căn cứ nào xác định V đã đưa cho H số tiền trên.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 6/2016, Vũ Thị V trao đổi với anh Hoàng Văn B rằng V có khả năng xin được vào biên chế trong ngành giáo dục, xem có người nào cần xin việc thì giới thiệu cho V. Khoảng đầu tháng 7/2016, anh B nói với ông Hoàng Văn H về việc Vũ Thị V có khả năng xin biên chế vào các cơ quan Nhà nước. Anh B cho ông H số điện thoại của V để liên hệ trực tiếp. Sau

đó, ông H liên hệ qua điện thoại với V; cả hai bên thỏa thuận, thống nhất V sẽ xin cho chị Hoàng Thị O là con gái ông H vào biên chế ngành giáo dục với số tiền là 170.000.000 đồng. V hẹn khoảng giữa tháng 9/2016 sẽ có quyết định biên chế đi làm. V nói ông H chuẩn bị tiền đưa cho anh B để anh B chuyển cho V. Sáng ngày 06/7/2016, ông H cùng anh Nguyễn Văn Ú đến nhà anh B. Tại đây, ông H giao 140.000.000 đồng cho anh B. Anh B có viết cho ông H 01 giấy biên nhận với nội dung: *“Tên tôi là Hoàng Văn B; SMTND: 151272620, cấp ngày 28/12/2005 tại Công an Thái Bình; sinh ngày 8/9/1979; nguyên quán: Phúc Trung, Thái Phúc, Thái Thụy, Thái Bình. Hôm nay ngày 06/7/2016, tôi nhận của anh Hoàng Văn H số tiền là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Mục đích nhận nợ để lo công việc giúp con anh Hoàng Văn H”*. Chiều cùng ngày, anh B đến nhà V ở xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình và giao 140.000.000 đồng cho V. V nhận số tiền trên và dặn anh B nói với chị O chuẩn 01 bộ hồ sơ chuyển cho V để xin việc. Khoảng 01 tháng sau, V liên hệ điện thoại yêu cầu ông H đưa cho Việt 30.000.000 đồng còn lại. Ông H đồng ý và đi cùng anh B đến khu vực quảng trường 14/10 ở thành phố Thái Bình gặp V. Tại đây, ông H đã giao 30.000.000 đồng cho V, khi giao nhận tiền không lập giấy tờ biên nhận. Tổng số tiền V nhận của ông H để xin việc cho chị O là 170.000.000 đồng. Đến hết tháng 9/2016, V không xin được việc cho chị O như đã cam kết nên ông H đã yêu cầu V phải trả lại 170.000.000 đồng. Do không có tiền trả cho ông H nên ngày 15/10/2016, V đã viết cho ông H 01 giấy vay nợ số tiền 170.000.000 đồng hẹn đến 15/8/2017 sẽ trả hết. Sau đó, Việt bảo ông Hùng đưa lại cho mình giấy biên nhận mà trước đây anh B đã viết cho ông H để nhận tiền xin việc; ông H không nghi ngờ nên đã đưa lại giấy biên nhận trên cho V. Đến ngày 18/4/2017, do ông H đòi gấp, bản thân V không có tiền trả ông H nên Việt tiếp tục viết 01 giấy khất nợ ông H, hẹn đến ngày 16/5/2017 sẽ trả. Đến hẹn, V vẫn không trả tiền cho ông H mà tiếp tục khất nợ nhiều lần. Đến ngày 27/8/2017, V viết cho ông H 01 giấy cam kết trả nợ với nội dung *“Hôm nay ngày 27/8/2017, tôi là Vũ Thị V, STQ: Vũ Lạc, TP Thái Bình. Trước đây tôi có nhận của anh Hoàng Văn H ở Thái Phúc - Thái Thụy số tiền là 170 triệu để lo việc cho con anh H là Hoàng Thị O vào biên chế. Đến nay công việc chưa lo được mặc dù hoàn cảnh khó khăn nhưng tôi sẽ có trách nhiệm về xin cam kết hoàn trả đủ cho anh Hoàng Văn H số tiền trên, chậm nhất là ngày 30/12/2017 sẽ trả cho anh H. Nếu tôi không thực hiện đúng cam kết, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”*. Sau đó, V đã trả cho ông H được khoảng 40.000.000 đồng, bao gồm cả tiền lãi. Đến ngày 04/02/2023, chị Nguyễn Việt P

là con của V đã trả cho ông H 150.000.000 đồng còn lại. Ông H đã nhận số tiền trên và không yêu cầu V phải bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác.

Quá trình điều tra, bị cáo Vũ Thị V 02 lần thay đổi lời khai. Tại phiên Tòa, bị cáo không thừa nhận việc nhận 170.000.000 đồng của ông Hoàng Văn H để xin việc cho chị Hoàng Thị O, bị cáo khai chỉ vay ông H số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 101/CT- VKSTPTB ngày 31/5/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Việt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và Điều luật như bản cáo trạng số 101/CT- VKSTPTB và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị V từ 09 năm 06 tháng tù đến 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 02/02/2023). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Bị cáo Việt và con gái là Nguyễn Việt P đã bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông H số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Hai bên đã giao nhận số tiền bồi thường trên.

3.2. Đối với số tiền 115.000.000 đồng của anh H, bị cáo V đã bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho anh H số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Hai bên đã giao nhận số tiền bồi thường trên. Số tiền còn lại 70.000.000 đồng anh H không yêu cầu bị cáo V bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm nên chấp nhận yêu cầu, đề nghị của anh H.

3.3. Bị cáo V đã bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bà K số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hai bên đã giao nhận số tiền bồi thường trên. Buộc bị cáo V phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 90.000.000 đồng cho bà K là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra đề nghị án phí.

- Người bào chữa:

Nhất trí với tội danh Viện kiểm sát đề nghị.

Khoản tiền 170.000.000 đồng bị cáo nhận của ông H là tiền bị cáo vay ông H chứ không phải tiền nhận để xin việc cho con ông H. Việc bị cáo viết giấy

cam kết trả nợ có nội dung lo việc cho con ông H là bị ép. Nên số tiền 170.000.000 chỉ là dân sự chứ không phải là hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo V đã thành khẩn khai báo hành vi vi phạm của mình nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát tranh luận:

Với khoản tiền 170.000.000 đồng: Đây là tiền bị cáo nhận của ông H để xin việc cho con ông H chứ không phải là tiền vay nợ. Bởi vì những lý do sau: Giấy cam kết trả nợ đề ngày 27/8/2017 có nội dung “để lo việc cho con anh H” do chính bị cáo viết trong tình trạng không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần, không bị mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đã được cơ quan chuyên môn giám định chính là chữ viết và chữ ký của bị cáo và lời khai của người làm chứng, người liên quan. Việc bị cáo cho rằng bị ép viết giấy là không có căn cứ bởi lẽ trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc mình bị ép viết giấy cam kết. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 170.000.000 đồng đã nhận để xin việc cho con ông H.

Suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa ngày hôm nay, bị cáo chỉ thừa nhận có nhận 100.000.000 đồng của bà K và 115.000.000 đồng của anh H để xin việc, sau đó chuyển toàn bộ số tiền trên cho Phạm Thị Hồng, chưa lấy lại được. Bị cáo không có tài liệu chứng minh việc chuyển tiền cho Phạm Thị H. Với số tiền 170.000.000 đồng bị cáo nhiều lần thay đổi lời khai, lúc thì nhận là tiền để lo việc cho con ông H, lúc thì nhận là tiền vay nợ. Như vậy, bị cáo không trung thực, không thành khẩn trong việc khai báo nên đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó không đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo Vũ Thị V nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều

tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên Tòa, bị cáo không thừa nhận việc nhận 170.000.000 đồng của ông Hoàng Văn H để xin việc cho chị Hoàng Thị O, bị cáo khai vay ông H số tiền trên. Hội đồng xét xử khẳng định: Đối với khoản tiền 170.000.000 đồng là khoản tiền bị cáo nhận của ông H để xin việc cho con ông H chứ không phải là tiền vay nợ. Bởi vì những lý do sau: Giấy cam kết trả nợ đề ngày 27/8/2017 có nội dung “để lo việc cho con anh Hùng” do chính bị cáo viết trong tình trạng không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần, không bị mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đã được cơ quan chuyên môn giám định chính là chữ viết và chữ ký của bị cáo và lời khai của người làm chứng, người liên quan. Việc bị cáo cho rằng bị ép viết giấy là không có căn cứ bởi lẽ trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc mình bị ép viết giấy cam kết. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai của bị cáo đối với hành vi trên. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 170.000.000 đồng đã nhận để xin việc cho con ông H. Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo đối với hành vi lần thứ nhất và lần thứ hai của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Đơn tố cáo, đơn trình báo và lời khai của người bị hại là ông Hoàng Văn H; bà Nguyễn Thị K; anh Đỗ Văn H; biên bản khám xét ngày 02/02/2023 tại thôn Kim, xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; giấy biên nhận ngày 06/7/2016 của anh Hoàng Văn Bẩy và giấy xác nhận của chị Phạm Thị Dậu; giấy biên nhận ngày 28/6/2014, ngày 22/9/2014, ngày 03/02/2015; giấy cam kết trả nợ ngày 27/8/2017 do Vũ Thị V viết; kết luận giám định số 218/KL-KTHS (TL) ngày 18/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình: “1. Chữ ký mang tên Vũ Thị V trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 so với chữ ký của Vũ Thị Việt trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người ký ra. 2. Chữ viết “Vũ Thị V” dưới chữ ký mang tên Vũ Thị Việt trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 so với chữ viết của Vũ Thị Việt trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người viết ra”; kết luận giám định số 203/KL-KTHS ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an

tỉnh Thái Bình: “Chữ ký, chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 so với chữ ký, chữ viết của Vũ Thị V trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 do cùng một người ký, viết ra”; biên bản đối chất do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình lập ngày 19/4/2023 tại phân trại số 03, trại giam Ninh Khánh, Bộ Công an giữa bị cáo Vũ Thị Việt và Phạm Thị H; lời khai những người làm chứng anh Đào Văn Đ, anh Nguyễn Quang H, chị Nguyễn Thị Thu P, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị O, anh Hoàng Văn B, anh Nguyễn Văn Ú, bà Ngô Thị L, chị Phạm Thị D và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2014 đến tháng 07/2016, Vũ Thị V không có chức năng, không có khả năng xin việc nhưng đã nói dối rằng bản thân có các mối quan hệ, có khả năng xin được việc làm, biên chế giáo viên ở các trường học để chiếm đoạt của anh Đỗ Văn H số tiền 115.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị K số tiền 100.000.000 đồng; ông Hoàng Văn H số tiền 170.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, V không xin việc như đã thỏa thuận, chiếm đoạt tổng số tiền 385.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Vũ Thị V đã phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174 . Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Vũ Thị V dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin giả không đúng sự thật và làm cho anh Đỗ Văn H, bà Nguyễn Thị K và ông Hoàng Văn H tin đó là thật và giao tổng số tiền 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) cho bị cáo V. Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thị V là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo:

[4.1]. Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo đối với lần phạm tội thứ nhất và thứ hai”; “Bị cáo và con gái bị cáo là chị Nguyễn Việt P đã bồi thường thiệt hại cho bị hại là anh Hoàng Văn H số tiền là 170.000.000 đồng và bị cáo đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị K số tiền 10.000.000 đồng, anh Đỗ Văn H số tiền là 45.000.000 đồng” theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên Tòa, bị hại là bà K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố đẻ bị cáo đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tặng huy chương vì sự nghiệp giáo dục, tặng huy chương vì sự nghiệp chữ thập đỏ Việt Nam và được tặng huy hiệu 50 năm tuổi Đảng nên bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt:

[5.1]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5.2]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo V có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

[6.1]. Bị cáo Việt và chị Nguyễn Việt P là con gái bị cáo đã bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông H số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Hai bên đã giao nhận số tiền bồi thường trên.

[6.2]. Đối với số tiền 115.000.000 đồng của anh H, bị cáo V đã bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho anh H số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Hai bên đã giao nhận số tiền bồi thường trên. Số tiền còn lại 70.000.000 đồng anh H không yêu cầu bị cáo Việt bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm nên không giải quyết.

[6.3]. Bị cáo Việt đã bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bà K số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hai bên đã giao nhận số tiền bồi thường trên. Buộc bị cáo V phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 90.000.000 đồng cho bà K là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Về vấn đề khác trong vụ án:

* Đối với trường hợp chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1989, trú tại thôn Quỳển, xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình: Năm 2012, qua mối quan hệ, chị Thủy biết thông tin Vũ Thị V có khả năng xin được biên chế ngành giáo dục nên chị đã đến nhà V đặt vấn đề nhờ xin việc. Việt đồng ý xin cho chị T biên chế vào trường Trung học cơ sở xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình với chi phí hết 170.000.000 đồng. Sau đó, chị Thủy đã 3 lần giao tiền mặt cho V tại nhà V. Lần 1 vào ngày 20/12/2012 đưa 30.000.000 đồng, Việt viết giấy biên nhận với nội dung “*Cô V nhận của Thủy 30.000.000 đồng để lo việc cho T*”. Lần thứ 2 vào ngày 17/01/2013 đưa 120.000.000 đồng, V viết giấy biên nhận với nội dung vay của Tsố tiền 120.000.000 đồng. Lần thứ 3 vào ngày 19/01/2013 đưa 20.000.000 đồng thì V viết tiếp vào giấy biên nhận ngày 17/01/2013 với nội dung vay thêm 20.000.000 đồng, việc giao tiền thì chỉ có T và V. Quá trình điều tra Vũ Thị V khai nhận năm 2012 có nhận tiền của chị T để xin biên chế cho chị T; sau đó thì đưa toàn bộ cho bà Bùi Thị Bích H để bà H chuyển cho bà Phạm Thị H, nhờ bà H xin cho chị T. Sau khi không xin được việc, cho đến nay, bà H vẫn chưa trả lại cho V số tiền đã nhận. Tài liệu điều tra và bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 39/KLĐT-PC44 ngày 09/7/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình xác định: Vào khoảng tháng 01/2013, bà H có nhận tiền của bị cáo V để xin biên chế cho chị Thủy sau đó thì chuyển toàn bộ cho bà Phạm Thị H; sau khi không xin được việc, bà H đã trả lại tiền cho bà H, bà H đã trả lại tiền cho bị cáo V nhưng không xác định được bà H đã trả lại số tiền mà bị cáo V đưa để xin biên chế cho chị Thủy hay chưa. Vì vậy, không đủ căn cứ kết luận bị cáo V chiếm đoạt của chị T số tiền 170.000.000 đồng. Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình đã tiến hành triệu tập bà Bùi Thị Bích H nhưng hiện nay bà H không có mặt ở địa phương, không biết đi đâu, làm gì. Do đó, đối với hành vi này sẽ tiếp tục xác minh, có căn cứ xử lý sau.

* Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1952, trú tại thôn Trình Hoàng, xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình: Năm 2009 và năm 2012, bà Q giao 220.000.000 đồng và hồ sơ cho V tại nhà bà Quỳển ở thôn Trình Hoàng, xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, nhờ V xin chuyển công tác cho con trai bà Q là anh Trần Ngọc T và xin biên chế ngành giáo dục cho con dâu bà Q là chị Phạm Thị Hải T.

* Ông Phùng Văn H, sinh năm 1967, trú tại tổ dân phố Giang Đông, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình: Khoảng tháng 5/2016, ông H giao 80.000.000 đồng cùng hồ sơ cho V tại nhà ông H ở tổ dân phố Giang Đông, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, nhờ V xin vào biên chế Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương cho con gái ông H là chị Phùng Thị T.

* Ông Trần Quang T, sinh năm 1953, trú tại số nhà 83, tổ dân phố Tiểu Hoàng, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình: Khoảng tháng 5/2014, ông T giao 120.000.000 đồng cùng hồ sơ cho Việt tại nhà của ông Nguyễn Bá N, sinh năm 1968, trú tại số nhà 85, tổ dân phố Tiểu Hoàng, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, nhờ Việt xin biên chế vào nhà nước cho con trai ông Thịnh là anh Trần Xuân Thái.

* Ông Trương Văn V, sinh năm 1967, trú tại thôn Bạch Long, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình: Khoảng tháng 4/2015, ông Vinh giao 160.000.000 đồng cùng hồ sơ cho V tại xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, nhờ V xin vào biên chế ngành giáo dục cho con trai ông V là anh Trương Tuấn A.

Quá trình điều tra xác định, việc giao tiền và hồ sơ để nhờ bị cáo V xin việc diễn ra trên địa bàn huyện Kiến Xương và huyện Tiền Hải; sau khi nhận của 04 trường hợp trên, V chuyển tiền và hồ sơ cho bà Phạm Thị H, sinh năm 1955, nơi thường trú thôn Hưng Nhượng, xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình để nhờ bà H xin. Do chưa đủ căn cứ xác định bị cáo V có hành vi phạm tội, mặt khác việc giao nhận tiền và bị hại thuộc địa bàn huyện Kiến Xương và huyện Tiền Hải, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã thông báo và chuyển tài liệu liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương và Công an huyện Tiền Hải tiến hành xác minh, giải quyết theo thẩm quyền.

* Theo lời khai của chị Hoàng Thị O và anh Hoàng Văn B, bị cáo V có nhờ anh B đưa cho chị O 01 chứng chỉ Tiếng Anh và 01 chứng chỉ Tin học để cho vào hồ sơ xin việc trong khi chị O không theo học lớp đào tạo nào, không được sát hạch để được cấp các chứng chỉ này. Do không thu được bộ hồ sơ của chị O nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình không có căn cứ để điều tra, xử lý.

* Đối với việc anh Hoàng Văn B đã giới thiệu để bị cáo xin việc cho con gái của ông Hoàng Văn H, trực tiếp nhận số tiền 140.000.000 đồng của ông H để đưa cho bị cáo; anh B không biết bị cáo không có khả năng xin việc, không biết bị cáo có ý định chiếm đoạt tài sản của ông H, không được hưởng lợi từ việc giới thiệu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

* Đối với việc anh Nguyễn Quang H đã giới thiệu để bị cáo xin vào biên chế cho vợ của anh Đỗ Văn Hưng, anh H không biết bị cáo không có khả năng xin vào biên chế, không biết bị cáo có ý định chiếm đoạt tài sản của anh H, không được hưởng lợi từ việc giới thiệu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

* Đối với chị Phạm Thị D, biết việc bị cáo V nói dối anh Hoàng Văn B về việc có khả năng xin việc, cùng bị cáo đi khát nợ nhưng không được hưởng lợi từ những việc này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

* Đối với Phạm Thị H: bị cáo V khai đã chuyển toàn bộ hồ sơ và tiền nhận từ anh H và bà K cho Phạm Thị H để nhờ xin việc hộ. Qua đối chất, H không thừa nhận đã nhận 02 khoản tiền trên từ V; ngoài ra không có tài liệu, căn cứ nào xác định V đã đưa cho H số tiền trên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với H.

[8]. Về án phí: Bị cáo V phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Thị V 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 02/02/2023).

3. Về trách nhiệm dân sự:

[3.1]. Bị cáo V và con gái bị cáo là chị Nguyễn Việt P đã bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông H số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Hai bên đã giao nhận số tiền bồi thường trên.

[3.2]. Đối với số tiền 115.000.000 đồng của anh H, bị cáo V đã bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho anh H số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Hai bên đã giao nhận số tiền bồi thường trên. Số tiền còn lại 70.000.000 đồng anh H không yêu cầu bị cáo V bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm nên không giải quyết.

[3.3]. Bị cáo V đã bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bà K số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hai bên đã giao nhận số tiền bồi thường trên. Buộc bị cáo Vũ Thị V phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị K.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Vũ Thị V phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Vũ Thị V, ông Hoàng Văn H, bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 03/8/2023. Anh Hoàng Văn H, chị Nguyễn Việt P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Cơ quan THAHS Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

